

# Chương 2: Các báo cáo tài chính

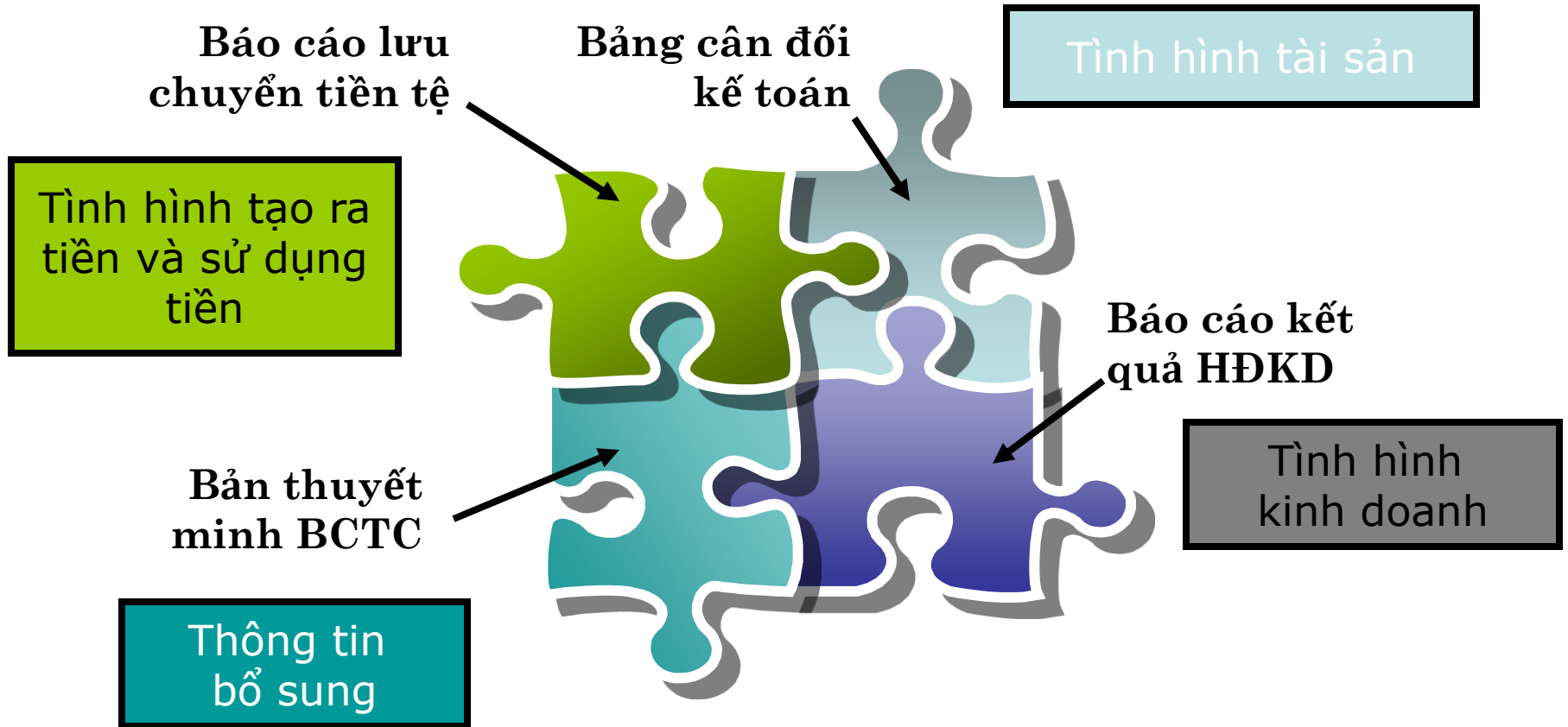
- I. Bảng cân đối kế toán
- II. Báo cáo kết quả kinh doanh
- III. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- IV. Bản thuyết minh báo cáo tài chính



Tình huống khởi động:

Khi chọn một người làm  
chồng em quan tâm gì nơi  
người đó?

# CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**Một bức tranh toàn diện**

# THÔNG TIN TRÊN BCTC

- Họ cần thông tin gì?



Tình hình tài sản

Tình hình kinh doanh

Tình hình lưu chuyển tiền

Thông tin bổ sung

# I. Bảng cân đối kế toán

## 1. Khái niệm

BCĐKT là **báo cáo kế toán** phản ánh một cách tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp theo 2 cách phân loại:

- Kết cấu của tài sản và
- Nguồn hình thành nên tài sản

Thông qua thước đo bằng tiền, tại một thời điểm nhất định (cuối tháng, quý, năm)

## 2. Đặc điểm

- Phản ánh tổng quát tài sản của DN theo hệ thống các chỉ tiêu do nhà nước qui định thống nhất.
- Biểu hiện được hai mặt: Tài sản của DN gồm những gì và do đâu mà có
- Chỉ sử dụng thước đo tiền tệ do tính tổng hợp của thông tin
- Phản ánh tài sản của DN tại một thời điểm.

### 3. Kết cấu bảng cân đối kế toán

Để phản ánh 2 mặt tài sản và nguồn vốn thì bảng cân đối kế toán được chia làm 2 phần:

- a. Phần tài sản
- b. Phần nguồn vốn

Hai phần này có thể được sắp xếp theo kết cấu ngang hoặc kết cấu dọc

# a. Kết cấu ngang:

Bên trái là tài sản, bên phải là nguồn vốn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày...tháng...năm

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
A: Tài sản ngắn hạn	?	A: Nợ phải trả	?
B: Tài sản dài hạn	?	B: Vốn chủ sở hữu	?
Tổng cộng	X	Tổng cộng	X

## b. Kết cấu dọc

Bên trên là tài sản, bên dưới là nguồn vốn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày...tháng...năm...

TÀI SẢN	Số tiền
A. Tài sản ngắn hạn	
B. Tài sản dài hạn	
Tổng tài sản	X
NGUỒN VỐN	Số tiền
A.Nợ phải trả	
B.Vốn chủ sở hữu	
Tổng nguồn vốn	X

Trong từng loại A, B trên nhà nước còn quy định thành nhiều mục, nhiều khoản để phản ánh cụ thể từng loại tài sản, từng loại nguồn vốn phù hợp với yêu cầu quản lí chung.

Bên cạnh, các chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn được quy định đã nêu trên, thì trong BCĐKT còn có hai cột số dư đầu kì và cột số dư cuối kì, để phản ánh giá trị của các loại tài sản. Hai cột này do DN xác định và ghi khi lập BCĐKT.

# NHẬN XÉT

- Tính chất cân đối của BCĐKT là tính chất cân đối giữa tài sản và nguồn vốn.
- Tính cân đối này biểu hiện:
- Tổng cộng tài sản = Tổng cộng nguồn vốn
- Hoặc:  $(A+B) \quad TS = (A+B) \quad NV$

# Ví dụ 1:

Tại công ty X vào ngày 31/12/2024 có tình hình về tài sản và nguồn vốn như sau: ( ĐV: 1000 đ)

- Tiền mặt 500
- Tiền gửi ngân hàng 1.500
- Phải thu của khách hàng 1.000
- Nguyên vật liệu 2.000
- Tài sản cố định hữu hình 15.000
- Vay ngắn hạn 2.000
- Phải trả cho người bán 1.000
- Nguồn vốn kinh doanh 16.500
- Lợi nhuận chưa phân phối: 500

Yêu cầu: Căn cứ vào tài liệu trên hãy lập BCĐKT

**Ví dụ 2: Hãy lập bảng cân đối kế toán của công ty A vào ngày 31/07/2025 dựa vào các dữ liệu sau: (ĐVT: 1.000 đ)**

<b>1. Tiền mặt</b>	<b>20.000</b>
<b>2. Vay ngắn hạn</b>	<b>30.000</b>
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>15.000</b>
<b>4. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>100.000</b>
<b>5. Nguồn vốn kinh doanh</b>	<b>70.000</b>

<b>6. Hao mòn TSCĐHH</b>	<b>10.000</b>
<b>7. Phải trả người bán</b>	<b>25.000</b>
<b>8. Phải trả công nhân viên</b>	<b>30.000</b>
<b>9. Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>30.000</b>
<b>10. Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>45.000</b>
<b>11. Nguyên vật liệu</b>	<b>45.000</b>

## **4. Các trường hợp biến động của bảng cân đối kế toán**

Quá trình hoạt động của doanh nghiệp là quá trình phát sinh các nghiệp vụ kinh tế tác động đến tài sản, làm cho tài sản thay đổi nhưng sự thay đổi của tài sản bao giờ cũng nằm trong bốn trường hợp sau:



# Trường hợp 1: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ ảnh hưởng bên tài sản của BCĐKT thì:

- Một loại TS này tăng lên đồng thời một loại TS khác giảm xuống tương ứng.
- Số tổng cộng của BCĐKT không đổi.

## Ví dụ: Sử dụng lại số liệu ở ví dụ 1

- Ngày 01/01/ 2025, doanh nghiệp rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 1.000.000đ.
- Thực hiện NV này làm ảnh hưởng đến 2 đối tượng nào?
- Lập lại bảng cân đối kế toán sau nghiệp vụ trên?

Trường hợp 2: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh chỉ ảnh hưởng bên nguồn vốn của BCĐKT thì:

- Một loại nguồn vốn này tăng lên đồng thời với một loại nguồn vốn khác giảm xuống tương ứng.
- Số tổng cộng của BCĐKT không đổi.

Ví dụ:

- Ngày 02/01/2025, doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 500.000đ.
- Thực hiện NV này làm ảnh hưởng đến 2 đối tượng nào?
- Lập lại bảng cân đối kế toán sau nghiệp vụ trên?

Trường hợp 3: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh nếu ảnh hưởng cả hai bên tài sản và nguồn vốn của BCĐKT, nếu làm cho TS tăng lên thì:

- Đồng thời, cũng làm cho nguồn vốn tăng lên tương ứng.
- Số tổng cộng của BCĐKT tăng lên.

Ví dụ:

- Ngày 03/01/2025, doanh nghiệp mua nguyên vật liệu chưa trả tiền người bán 1.000.000đ.
- Thực hiện NV này làm ảnh hưởng đến 2 đối tượng nào?
- Lập lại bảng cân đối kế toán sau nghiệp vụ trên?

Trường hợp 4: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh ảnh hưởng cả hai bên tài sản và nguồn vốn của BCĐKT, nếu làm cho TS giảm xuống thì:

- Đồng thời, cũng làm cho nguồn vốn giảm xuống tương ứng.
- Số tổng cộng của BCĐKT giảm.

Ví dụ:

- Ngày 04/01/2025, doanh nghiệp xuất quỹ tiền mặt trả tiền người bán 1.000.000đ.
- Thực hiện NV này làm ảnh hưởng đến 2 TK nào?
- Lập lại bảng cân đối kế toán sau nghiệp vụ trên?

## Nhận xét:

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh ảnh hưởng ít nhất đến 2 đối tượng kế toán.
- Trường hợp 1 & 2: Chỉ ảnh hưởng đến một bên của bảng cân đối kế toán, không làm thay đổi số tổng cộng cuối cùng của bảng.

- Trường hợp 3 & 4: Ảnh hưởng đến cả hai bên của BCĐKT, làm thay đổi số tổng cộng cuối cùng của bảng (cùng tăng: trường hợp 3, cùng giảm: trường hợp 4).
- Bảng cân đối kế toán luôn cân đối.



## II. BÁO CÁO XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



Ví dụ 1: Tại công ty TNHH TM Gia Huy trong T01/2025 có các số liệu sau:

Mua vào 20 bộ quần áo giá mua 1tr/1 bộ.

Trong kỳ bán 10 bộ quần áo giá bán 3trđ/1 bộ, chi phí bán hàng 5 trđ, chi phí quản lý doanh nghiệp: 3 trđ, chi phí vay vốn ngân hàng: 2tr

Yêu cầu: Xác định kết quả kinh doanh T01/2025

Ví dụ 2: Tại công ty may quần áo Gia Huy trong T01/2025 có các số liệu sau:

- Sản xuất 10 bộ quần áo:
- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 5trđ
- + Chi phí nhân công trực tiếp: 4 trđ
- + Chi phí sản xuất chung: 1 trđ

Trong kỳ bán 5 bộ quần áo giá bán 2trđ/1 bộ, chi phí bán hàng 3 trđ, chi phí quản lý doanh nghiệp: 1trđ, chi phí lãi vay 2 trđ.

Yêu cầu: Xác định kết quả kinh doanh T01/2025

# 1. Khái niệm bảng XĐKQKD

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong **một kỳ kế toán** của doanh nghiệp và chi tiết cho từng HĐKD và các hoạt động khác.

## **2.3.2. Kết cấu của Báo cáo xác định kết quả kinh doanh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
<i>Trong đó</i> : Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30			
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60			
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

# Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu:**

- ❖ **Bán hàng hóa, thành phẩm**
- ❖ **Cung cấp dịch vụ trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.**

## Các khoản giảm trừ

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ:

- ❖ Các khoản chiết khấu thương mại,
- ❖ Giảm giá hàng bán,
- ❖ Hàng bán bị trả lại

# Giá vốn hàng bán

**Chỉ tiêu này phản ánh:**

- ❖ Tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán,
- ❖ Chi phí trực tiếp của các dịch vụ đã cung cấp
- ❖ Chi phí khác được tính vào hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo.

# Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

# Chi phí hoạt động tài chính

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động liên doanh,... phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp.

## **Chi phí bán hàng- QLDN**

**CPBH:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng phân bổ cho số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ báo cáo.

**CPQLDN:** Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ báo cáo.

## **Chi phí thuế TNDN hiện hành**

**Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ báo cáo.**

**Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chỉ tiêu này phản ánh thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ báo cáo.**

## **Lợi nhuận sau thuế TNDN**

**Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận thuần từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ báo cáo.**

Ví dụ 1:

Căn cứ vào các tài liệu sau đây hãy lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 của công ty A(đvt: đ).

- Sản phẩm bán được trong tháng với số lượng 1.000SP, đơn giá bán 24.000đ/SP, đơn giá xuất kho (giá vốn) 18.000đ/sp.
- Khoản giảm giá cho số sản phẩm đã bán 400.000.
- Doanh thu hoạt động tài chính: 2.000.000
- Chi phí tài chính: 800.000
- Chi phí bán hàng: 800.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.000.000
- Thu nhập khác: 10.000.000
- Chi phí khác: 5.000.000
- Thuế TNDN tính theo thuế suất 20%.

## VÍ DỤ 2:

*Tình hình doanh thu và chi phí của công ty ABC  
như sau:*

DT bán hàng và cung cấp dịch vụ: 560trđ

Chi phí bán hàng: 32trđ

DT hoạt động tài chính: 30trđ

Giá xuất kho của hàng đã tiêu thụ: 300trđ

Chi phí khác: 10trđ

Các khoản giảm giá cho số sản phẩm đã bán: 10trđ

Thu nhập khác: 16trđ

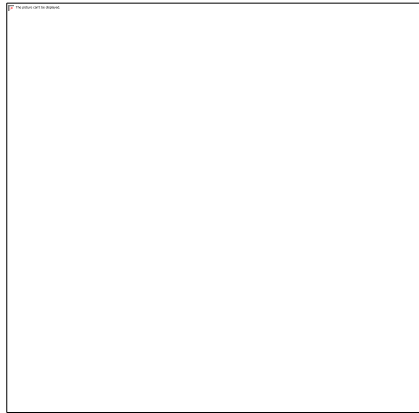
Chi phí tài chính: 24trđ

Hàng bán bị trả lại: 5trđ

Thuế TNDN tính theo thuế suất 20%.

**YÊU CẦU:** Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty ABC.

## 2.2.3. Mối quan hệ giữa BCĐKT và bảng XĐKQKD



BCĐKT

BXĐKQKD



**Doanh thu tăng làm tăng tài sản**

**Chi phí tăng làm giảm một tài sản tương ứng  
hoặc tăng nợ phải trả.**

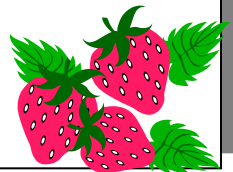
**Ví dụ:** Công ty Thái Tuấn xuất kho bán số hàng A theo giá bán 3.000.000đ, khách hàng đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Mặt hàng mà công ty Thái Tuấn xuất bán có giá mua 2.000.000đ.

# III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## 2.4.1. KHÁI NIỆM

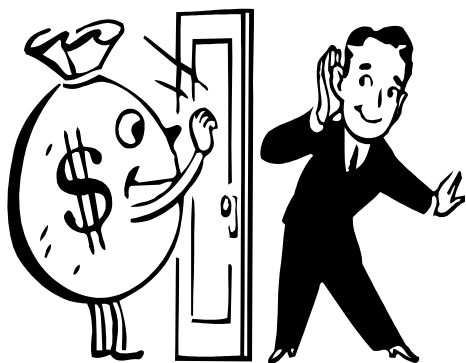
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cung cấp thông tin về các dòng tiền lưu chuyển giúp cho các đối tượng sử dụng có thể phân tích rõ tình hình tài chính của DN



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Cung cấp thông tin về việc tạo ra tiền và sử dụng tiền trong kỳ.

**Dòng tiền vào**



**Dòng tiền ra**



**Tiền thuần tăng  
(giảm) trong kỳ**



# KẾT CẤU BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Dòng tiền lưu chuyển trong 3 loại hoạt động.**

## Công ty XYZ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Năm 2010

I. Lưu chuyển tiền từ HĐKD	\$	XXX
II. Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư		XXX
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính		<u>XXX</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	\$	XXX
Cộng: Tiền tồn đầu kỳ		<u>XXX</u>
Tiền tồn cuối kỳ	\$	<u><u>XXX</u></u>

# DÒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Là dòng tiền liên quan tới các hoạt động kinh doanh hàng ngày và tạo ra doanh thu chủ yếu của doanh nghiệp.

## Dòng tiền vào

- Thu từ khách hàng

## Dòng tiền ra

- Tiền lương và tiền công
- Thanh toán cho nhà cung cấp
- Nộp thuế
- Tiền lãi đi vay

# DÒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## Dòng tiền vào

- Bán tài sản cố định
- Bán cổ phiếu đầu tư dài hạn
- Thu hồi nợ cho vay (gốc)
- Cổ tức nhận được
- Tiền lãi cho vay

## Dòng tiền ra

- Mua tài sản cố định
- Mua cổ phiếu đầu tư dài hạn
- Mua trái phiếu, cho vay

Là dòng tiền liên quan tới các hoạt động mua bán TSCĐ và đầu tư dài hạn.



# DÒNG TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

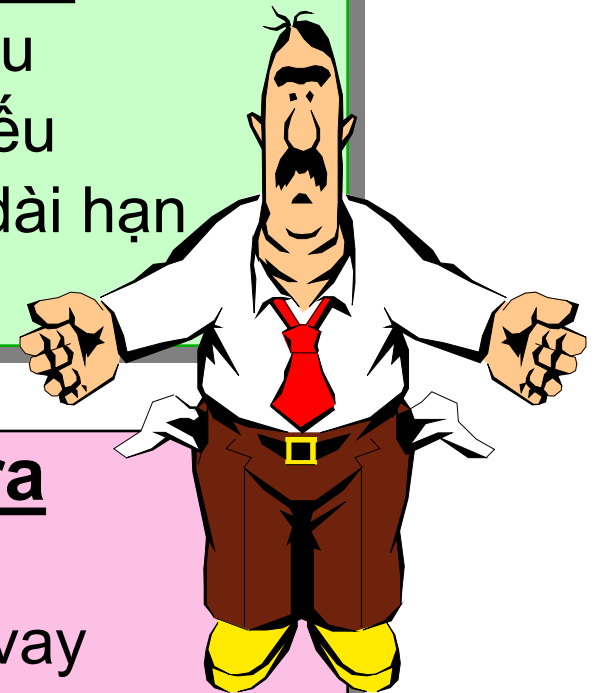
Là dòng tiền liên quan tới các hoạt động thay đổi về qui mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của doanh nghiệp.

## Dòng tiền vào

- Phát hành cổ phiếu
- Phát hành trái phiếu
- Vay ngắn hạn và dài hạn

## Dòng tiền ra

- Trả cổ tức
- Trả lại các khoản vay
- Chủ sở hữu rút vốn



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## Năm 2023

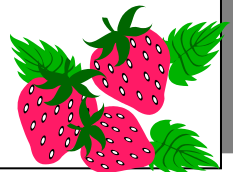
Chỉ tiêu	Công ty A	Công ty B
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	(30)	40
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	20	0
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	(10)
<b>Tổng lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>30</b>	<b>30</b>

Công ty nào hoạt động tốt hơn ?

# IV. BẢNG THUYẾT MINH BCTC

## 2.5.1. KHÁI NIỆM

Là báo cáo tài chính tổng hợp dùng để mô tả hoặc phân tích chi tiết các thông tin đã trình bày trong Bảng cân đối kế toán, Báo cáo xác định kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cũng như các thông tin cần thiết khác.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Là bản giải trình giúp người sử dụng hiểu rõ hơn về BCĐKT, BCKQKD & BCLCTT.
- Thông tin trình bày:

1

Các chính sách kế toán áp dụng

2

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên BCTC

3

Biến động vốn chủ sở hữu

4

Các thông tin khác

# Câu hỏi tổng kết

*Những kiến thức các em đã đạt được trong chương 2?*

# Câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1:** Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do:

- a. Doanh nghiệp tự trình bày
- b. Theo mẫu quy định của nhà nước
- c. Vừa theo mẫu nhà nước vừa theo quy định của doanh nghiệp

**Câu 2:** Tại một doanh nghiệp có (đvt: 1000đ):  
Tiền mặt là 7.000, phải thu khách hàng là 1.700, tài sản cố định 10.000, hao mòn là 700, nguồn vốn kinh doanh là 15.000, quỹ đầu tư phát triển là:

- a. 4.400
- b. 3.000
- c. 4.000
- d. 4.500

**Câu 3:** Khoản người mua trả tiền trước được trình bày thế nào trên BCĐKT.

- a. Tài sản ngắn hạn
- b. Nợ phải trả
- c. Vốn chủ sở hữu
- d. Tài sản dài hạn

**Câu 4:** Khoản ứng trước cho người bán được trình bày thế nào trên BCĐKT.

- a. Tài sản ngắn hạn
- b. Nợ phải trả
- c. Vốn chủ sở hữu
- d. Tài sản dài hạn

**Câu 5:** Trên bảng cân đối kế toán, số dư tài khoản hao mòn tài sản được trình bày

- a. Bên tài sản và ghi số âm
- b. Bên tài sản và ghi số dương
- c. Bên nguồn vốn và ghi số âm
- d. Bên nguồn vốn và ghi số dương

**Câu 6:** Trường hợp nào làm tăng tổng tài sản của bảng cân đối kế toán

- a. Tài sản tăng, nguồn vốn tăng
- b. Nguồn vốn tăng, nguồn vốn giảm
- c. Tài sản tăng, tài sản giảm
- d. Không phải các trường hợp này

Câu 7: Một doanh nghiệp có nợ phải trả 10 triệu đồng, vốn chủ sở hữu 90 triệu, tài sản sẽ là:

- a. 100 tr
- b. 80 tr
- c. 90 tr
- d. Số khác

# Câu 8: Chi trả tiền mua vật liệu nhập kho sẽ làm

- a. Tăng tài sản, giảm tài sản
- b. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- c. Giảm tài sản, giảm nợ phải trả
- d. Không phải các nội dung trên

# Câu 9: Bảng cân đối kế toán phản ánh

- a. Tài sản
- b. Nợ phải trả
- c. Vốn chủ sở hữu
- d. Bao gồm các nội dung trên

Câu 10: Bảng cân đối kế toán là báo cáo tại thời điểm

- a. Đúng
- b. Sai

# Câu 11: Bảng cân đối kế toán sử dụng thước đo

- a. Tiền
- b. Hiện vật
- c. Thời gian lao động
- d. Bao gồm các nội dung trên

Câu 12: Công ty X có tình hình (đvt: trđ): Tiền: 450, TS cố định hữu hình: 250, hao mòn tài sản cố định hữu hình: 50, hàng tồn kho: 150, Nợ phải trả: 200, Vốn chủ sở hữu là:

- a. 600
- b. 650
- c. 700
- d. Số khác

# Câu 13: Vay để trả nợ người bán sẽ làm

- a. Tăng tài sản, giảm tài sản
- b. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- c. Tăng nợ phải trả, giảm nợ phải trả
- d. Không phải các nội dung trên

# Câu 14: Nợ người bán do mua vật liệu nhập kho sẽ làm

- a. Tăng tài sản, giảm tài sản
- b. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- c. Tăng nợ phải trả, giảm nợ phải trả
- d. Không phải các nội dung trên

# Câu 15: Chi tiền trả nợ người bán sẽ làm

- a. Tăng tài sản, giảm tài sản
- b. Tăng tài sản, tăng nợ phải trả
- c. Tăng nợ phải trả, giảm nợ phải trả
- d. Không phải các nội dung trên

# Câu 16: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trình bày

- a. Doanh thu
- b. Chi phí
- c. Lãi (lỗ)
- d. Bao gồm các nội dung trên

# Câu 17: Tính chất quan trọng của bảng cân đối kế toán được thể hiện

- a. Tổng tài sản = Tổng nguồn vốn
- b. Lợi nhuận = Doanh thu – chi phí
- c. Cả a, b đều đúng
- d. Cả a, b đều sai

# Câu 18: Vốn chủ sở hữu tăng khi

- a. Vay nợ ngân hàng
- b. Khách hàng trả nợ
- c. Đầu tư thêm vốn
- d. Mua hàng hóa nhập kho

# Câu 19: Báo cáo lưu chuyển tiền dùng để

- a. Trình bày các dòng tiền lưu chuyển
- b. Cho biết tiền từ đâu mà có
- c. Cho biết tiền chi cho những mục đích nào
- d. Bao gồm các nội dung trên

# Câu 20: Bản thuyết minh báo cáo tài chính dùng để

- a. Trình bày các thông tin bổ sung
- b. Trình bày các thông tin chi tiết
- c. Trình bày các thông tin khác về doanh nghiệp
- d. Bao gồm các nội dung trên

# Câu 21: Bảng cân đối kế toán phản ánh

- a. Chi phí sản xuất kinh doanh tại một thời điểm
- b. Tài sản, nguồn vốn tại một thời điểm
- c. Doanh thu tại một thời điểm
- d. Lãi lỗ tại một thời điểm

Câu 22: Nghiệp vụ phát sinh liên quan 2  
đối tượng thuộc tài sản sẽ làm

- a. Cả hai tài sản tăng lên
- b. Cả hai tài sản giảm
- c. Một tài sản tăng, một tài sản giảm
- d. Không phải các nội dung trên

Câu 23: Nghiệp vụ phát sinh liên quan 2 đối tượng thuộc nguồn vốn sẽ làm

- a. Cả hai nguồn vốn tăng
- b. Cả hai nguồn vốn giảm
- c. Một nguồn vốn tăng, một nguồn vốn giảm
- d. Không phải các nội dung trên

Câu 24: Nghiệp vụ phát sinh liên quan đối tượng thuộc tài sản và đối tượng thuộc nguồn vốn sẽ làm

- a. Cả hai đối tượng tăng
- b. Cả hai đối tượng giảm
- c. Tài sản tăng, nguồn vốn giảm
- d. A và B đúng

Câu 25: Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đối tượng thuộc doanh thu sẽ làm

- a. Tài sản tăng
- b. Tài sản giảm
- c. Một tài sản tăng, một tài sản giảm
- d. Không phải các nội dung trên

Câu 26: Nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đối tượng thuộc chi phí sẽ làm

- a. Tài sản tăng
- b. Tài sản giảm
- c. Một tài sản tăng, một tài sản giảm
- d. Không phải các nội dung trên

# Bài tập:

Doanh nghiệp X vào ngày 31/03/2025 có các tài liệu sau: (đvt: 1000đ)

1. Tiền mặt:	40.000
2. Tiền gửi ngân hàng	800.000
3. Nguyên vật liệu	500.000
4. Công cụ, dụng cụ	60.000
5. Thành phẩm	100.000
6. Tài sản cố định hữu hình	5.000.000
7. Vay ngắn hạn	600.000
8. Phải trả cho người bán	200.000

9. Phải trả khác	50.000
10. Nguồn vốn kinh doanh	5.600.000
11. Quỹ đầu tư phát triển	50.000

Yêu cầu: dựa vào số liệu trên hãy lập bảng cân đối kế toán ngày 31/03/2025.